

# CÁC TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

**Kết quả từ Vòng 1 của Khảo sát doanh nghiệp nhanh về tác động của COVID-19**  
**Tác giả: Shawn Tan và Trang Trần**

## Các phát hiện chính:

- Các biện pháp phong tỏa có tác động lớn nhưng mang tính ngắn hạn tới tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Khoảng ½ số doanh nghiệp đã đóng cửa trong tháng 4 do yêu cầu của Chính phủ hoặc do quyết định của doanh nghiệp. Trên 80% doanh nghiệp đã hoạt động trở lại vào tháng 6, song có khoảng 20% số doanh nghiệp chỉ hoạt động một phần hoặc vẫn phải đóng cửa.
- Mặc dù các quy định giãn cách xã hội đã nới lỏng, cầu vẫn ở mức thấp, 81% doanh nghiệp vẫn bị giảm doanh số trong tháng 6/2020 so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh nghiệp bị ảnh hưởng chồng chất bởi nhiều khía cạnh khác nhau. Hơn một nửa số doanh nghiệp tham gia khảo sát bị tác động bởi sụt giảm đầu vào. Cùng với việc giảm cầu, các doanh nghiệp phải hứng chịu tình trạng sụt giảm dòng tiền.
- Dù phải gánh chịu những cú sốc tiêu cực như vậy, khối doanh nghiệp đã lựa chọn duy trì nhân viên/ người lao động thông qua các biện pháp điều chỉnh tạm thời. Rất nhiều doanh nghiệp lựa chọn giảm giờ làm và tiền công, trong khi một số khác cho phép người lao động nghỉ phép có hoặc không có trả công. 15% số doanh nghiệp cho biết đã sa thải người lao động, song 8% số doanh nghiệp cũng đã tuyển dụng thêm lao động.
- Nhiều doanh nghiệp đã áp dụng các nền tảng số hóa để thích ứng với các cú sốc tiêu cực, trong đó một số ít đầu tư vào các giải pháp số hóa hoặc làm mới/nâng cấp danh mục sản phẩm của mình. Các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp trong ngành dịch vụ và doanh nghiệp tại địa bàn Hà Nội có tỷ lệ áp dụng nền tảng số cao hơn.
- Bình quân, các doanh nghiệp dự kiến có tỷ lệ tăng trưởng doanh số bán là -27% và tăng việc làm -20%. Tốc độ tăng trưởng doanh số và việc làm cũng có nhiều bất định, và điều này có thể làm giảm mạnh đầu tư, việc làm và tăng trưởng trong tương lai. Dự báo tăng trưởng âm cho thấy các hoạt động kinh doanh có thể đã đình trệ trong thời gian dài.
- Khoảng 20-30% doanh nghiệp nhỏ, vừa và doanh nghiệp lớn đã tiếp cận được với hỗ trợ của Chính phủ. Có hai nguyên nhân chính cản trở doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ này, một là họ không đủ điều kiện (45% số doanh nghiệp) và hai là họ không biết về chính sách hỗ trợ (34% số doanh nghiệp).

## Tác động đối với doanh nghiệp

Việt Nam đã có phản ứng sớm trước sự lây lan của COVID-19 thông qua áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội và hạn chế đi lại, đỉnh điểm là phong tỏa toàn quốc vào tháng 4/2020. Toàn quốc bước vào đợt cách ly toàn xã hội từ 1/4/2020, ban đầu là 15 ngày, sau đó kéo dài thành 21 ngày tại 12 tỉnh thành có nguy cơ cao. Chỉ có các hoạt động kinh tế thiết yếu và doanh nghiệp được phép mở cửa mới được tiếp tục hoạt động. Đến tháng 5, các quy định hạn chế đi lại đã được nới lỏng đáng kể, song di chuyển qua biên giới vào Việt Nam chủ yếu vẫn bị giới hạn.

Nhằm hiểu rõ tác động của COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam, một cuộc Khảo sát doanh nghiệp (BPS) đã được thực hiện để đánh giá các khía cạnh tác động khác nhau của đại dịch đối với doanh nghiệp, chiến lược điều chỉnh của họ và các hồi đáp chính sách công. Vòng khảo sát đầu tiên được tiến hành vào tháng 6/2020, thu thập phản hồi của 499 doanh nghiệp qua hình thức phỏng vấn qua điện thoại và trực tiếp. Các doanh nghiệp được khảo sát hoạt động tại 15 tỉnh thành, đại diện cho ba loại quy mô doanh nghiệp và bốn lĩnh vực lớn - nông nghiệp, sản xuất chế tạo, bán buôn và bán lẻ, và các dịch vụ khác (xem thêm Hình A1 và Bảng 1, phần Phụ lục).

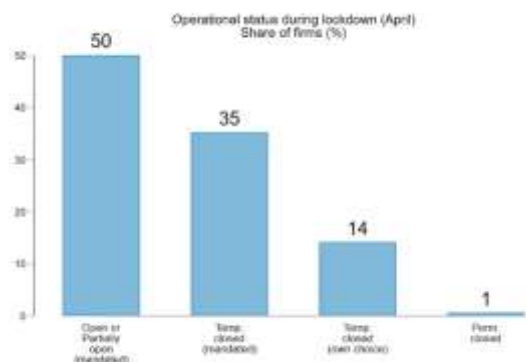


### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

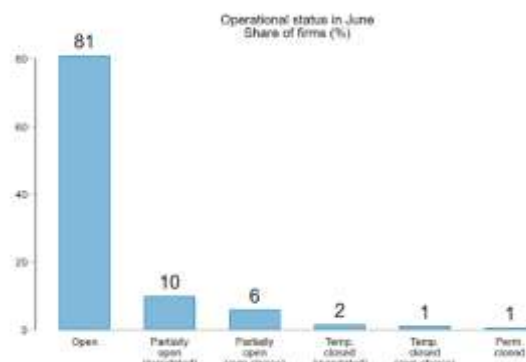
Các kết quả khảo sát cho thấy đợt phong tỏa đã có ảnh hưởng tạm thời đối với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Một phần lớn doanh nghiệp (khoảng ½) phải đóng cửa trong tháng 4 do chỉ đạo của Chính phủ hoặc do quyết định của chính doanh nghiệp (xem Hình 1). 35% doanh nghiệp đóng cửa theo chỉ thị của Chính phủ và 14% ngừng hoạt động do quyết định của doanh nghiệp, trong khi 50% số doanh

doanh nghiệp tiếp tục mở cửa hoặc mở cửa một phần bởi đó là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu hoặc được phép tiếp tục hoạt động. Hơn 80% doanh nghiệp đã mở cửa trong tháng 6, tuy nhiên COVID-19 vẫn gây ra ảnh hưởng tiêu cực nặng nề khi khoảng 20% số doanh nghiệp chỉ hoạt động một phần hoặc vẫn phải đóng cửa (Hình 2). Một kết quả đáng khích lệ là khảo sát cho thấy số doanh nghiệp phải rời bỏ thị trường do phong tỏa là không đáng kể<sup>1</sup>.

**Hình 1: 50% số doanh nghiệp đóng cửa trong giai đoạn phong tỏa (cách ly toàn xã hội) ...**

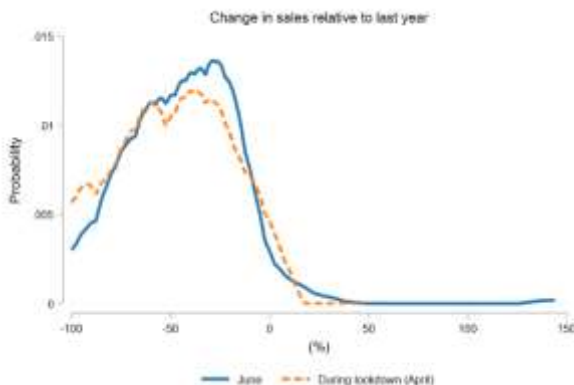


**Hình 2: Trong tháng 6, nhiều doanh nghiệp đã mở cửa lại, song một số lượng nhỏ nhưng đáng kể doanh nghiệp vẫn tiếp tục đóng cửa.**

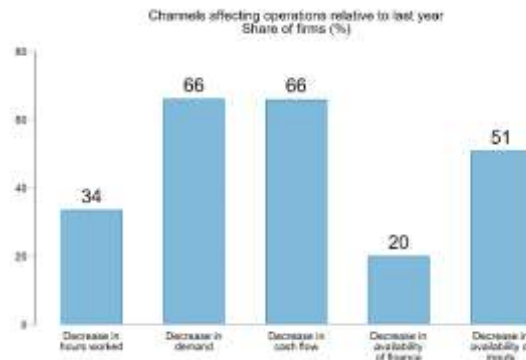


Ghi chú: Các doanh nghiệp đóng cửa, bao gồm “đóng cửa vĩnh viễn” là dựa trên ý kiến phản hồi của đáp viên, và không tính đến các trường hợp có khả năng đóng cửa của những doanh nghiệp không phản hồi. Do vậy, đây là ước tính thấp nhất, đặc biệt đối với các trường hợp đóng cửa vĩnh viễn.

**Hình 3: Tác động tiêu cực tới doanh thu vẫn tồn tại sau khi doanh nghiệp mở cửa trở lại**



**Hình 4: Trong tháng 6/2020, doanh nghiệp vẫn hứng chịu sự sụt giảm nhu cầu và thiếu dòng tiền và đầu vào**



## NHỮNG CÚ SỐC VỀ CẦU

Doanh thu của doanh nghiệp giảm mạnh, và mặc dù các quy định giãn cách xã hội đã nới lỏng, 81% doanh nghiệp vẫn cho biết doanh số bị sụt giảm trong tháng 6/2020. Trong khi doanh số đã phục hồi nhẹ vào tháng 6, đại đa số doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với tình trạng tăng trưởng doanh số âm so với cùng kỳ năm ngoái (Hình 3). 2/3 số doanh nghiệp đã xác nhận bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm nhu cầu. Tính bình quân, doanh thu giảm gần 50% trong tháng 4 và trên mức 40% vào tháng 6 so với cùng kỳ năm ngoái. Cả doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) và doanh nghiệp lớn đều bị ảnh hưởng tương tự, song những cú sốc về cầu dường như trầm trọng hơn đối với các ngành sản xuất chế tạo và dịch vụ khác hơn là ngành thương mại (xem Bảng A1, Phụ lục).

<sup>1</sup> Đây là mức ước tính thấp nhất do các doanh nghiệp đã đóng cửa có tỷ lệ phản hồi thấp.



## CÁC CỨ SỐC VỀ CUNG

Hơn một nửa số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết hoạt động kinh doanh của họ bị ảnh hưởng do giảm nguồn cung đầu vào. Cú sốc về cung này đã có tác động tương tự đến doanh nghiệp trong các ngành sản xuất chế tạo và bán buôn - bán lẻ. (xin xem Hình 4 và Bảng A1 của Phụ lục).



## CÁC CỨ SỐC VỀ TÀI CHÍNH

Cùng với việc sụt giảm cầu, doanh nghiệp đang đối mặt với sự suy giảm dòng tiền. 2/3 số doanh nghiệp phản ánh rằng dòng tiền trở nên khan hiếm hơn, và điều này chủ yếu xảy ra đối với doanh nghiệp quy mô vừa và doanh nghiệp nằm ngoài địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (xin xem Bảng A1 của Phụ lục).

## Phản hồi từ doanh nghiệp

Những cú sốc đồng biến từ đại dịch đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc làm và mô hình hoạt động của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp buộc phải cắt giảm chi phí thông qua giảm giờ làm của nhân viên, cắt giảm lương, cho nhân viên nghỉ việc, cũng như điều chỉnh mô hình kinh doanh để ứng dụng nhiều hơn các nền tảng và giải pháp số hóa.



## TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC LÀM

Đại dịch đã có tác động lớn đến việc làm. Phần lớn doanh nghiệp cho biết số việc làm giảm. Trên cơ sở thông tin về tổng số việc làm được báo cáo từ ngày 5/1 đến 15/4/2020, ước tính chỉ riêng với các doanh nghiệp đang hoạt động thì số việc làm đã giảm đi 1 triệu.<sup>2</sup> Con số việc làm mất đi trên thực tế còn nhiều hơn nếu tính đến các trường hợp đóng cửa và mất việc làm của doanh nghiệp siêu nhỏ và phi chính thức (không bao gồm tại khảo sát này). Đó là chưa kể nhiều doanh nghiệp đã giữ chân người lao động bằng cách áp dụng các biện pháp tạm thời. Tính đến tháng 6, 15% số doanh nghiệp cho biết đã sa thải lao động, song khoảng 1/5 số doanh nghiệp đã lựa chọn giảm thời giờ lao động (23%) và/hoặc giảm lương (20%) (xem Hình 5). Các doanh nghiệp khác hoặc cho phép nghỉ phép có trả lương (14%) hoặc không trả lương (12%). Đồng thời, không phải tất cả các doanh nghiệp đều chịu tác động tiêu cực. Một bộ phận nhỏ nhưng đáng kể doanh nghiệp (8%) cũng đã tuyển dụng thêm lao động.



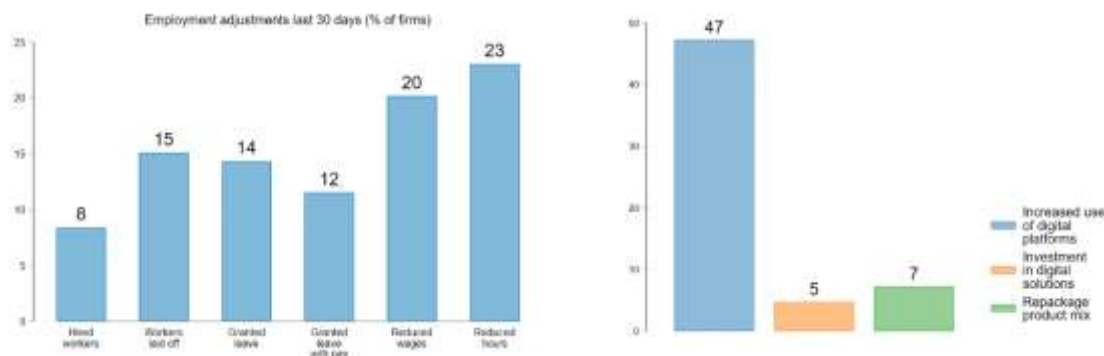
## ỨNG DỤNG NỀN TẢNG SỐ

Nhiều doanh nghiệp đã chuyển sang các nền tảng số nhằm thích ứng với các cú sốc tiêu cực do COVID-19 (xem Hình 6). 47% doanh nghiệp đã tăng cường áp dụng các nền tảng số để ứng phó với COVID-19, so với tỷ lệ ít hơn đáng kể các doanh nghiệp đầu tư vào giải pháp số hóa (5%) hoặc làm mới/nâng cấp danh mục sản phẩm (7%). Các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp trong ngành dịch vụ và doanh nghiệp tại địa bàn Hà Nội ứng dụng nền tảng số nhiều hơn (xem Bảng A2 Phụ lục). Hiện tại, hầu hết ứng dụng nền tảng số tập trung vào các tính năng đầu-cuối như doanh số và phương thức thanh toán, ít phức tạp hơn và rẻ hơn so với những thay đổi về tính năng nghiệp vụ khác.

Hình 5: Điều chỉnh về việc làm chủ yếu đối với khía cạnh cường độ: cắt giảm giờ làm, tiền công thay vì sa thải lao động

Hình 6: Doanh nghiệp chuyển sang sử dụng các nền tảng số hóa để thích ứng tốt hơn với đại dịch COVID-19

<sup>2</sup> Một số trong những trường hợp mất việc làm này có thể vẫn là việc làm thời vụ.



## Hướng tới tương lai



### SỰ BẤT ĐỊNH

Trung bình doanh nghiệp đang dự kiến tăng trưởng âm ở mức cao trong 6 tháng tới: **-27% về doanh số và -20% về việc làm**. Bên cạnh đó, mức tăng trưởng doanh số và việc làm này còn nhiều bất định, và điều này có thể làm suy giảm nghiêm trọng về đầu tư, việc làm và tăng trưởng trong tương lai. Khi được hỏi về các kịch bản khả thi, khối doanh nghiệp cho biết một số khả năng trong tương lai như sau:

- **Kịch bản thông thường:** Doanh nghiệp dự báo mức giảm trung bình doanh số là 25% và giảm việc làm 19%.
- **Kịch bản lạc quan:** Doanh nghiệp dự báo mức giảm trung bình 4% doanh số và việc làm.
- **Kịch bản bi quan:** Doanh nghiệp dự báo mức giảm trung bình 55% doanh số và 46% việc làm.

Những dự báo tiêu cực về doanh số và việc làm phản ánh rằng dù cho các biện pháp giãn cách xã hội chỉ mang tính tạm thời, hoạt động kinh doanh có thể đã trì trệ trong thời gian dài.

## Hỗ trợ chính sách

**Để xử lý khủng hoảng, Chính phủ Việt Nam đã công bố một số chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động.** Chính phủ đã áp dụng các biện pháp hoãn, giãn nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), giảm thuế suất thuế TNDN cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hoãn nộp tiền đóng quỹ lương hưu (bảo hiểm xã hội), và cung cấp các khoản vay không lãi suất để chi trả lương. Kết quả khảo sát cho thấy, đến nay khoảng 20-30% doanh nghiệp đã tiếp cận được với hỗ trợ của Chính phủ. Đối với doanh nghiệp không nhận được hỗ trợ, nguyên nhân quan trọng nhất là không đủ điều kiện và thiếu thông tin.<sup>3</sup>

<sup>3</sup> Tiêu chí điều kiện nhận hỗ trợ từ hai chương trình chính của Chính phủ có lẽ đã quá phức tạp để hỗ trợ doanh nghiệp một cách kịp thời. Điều kiện để được hoãn giãn thuế (GTGT và TNDN) là doanh nghiệp đã phát sinh nghĩa vụ thuế trong giai đoạn tháng 3- tháng 6/2020 và tiêu chí nêu tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Nghị định quy định bộ tiêu chí phức tạp theo ngành, sản phẩm hoặc quy mô của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được coi là đủ điều kiện nếu hoạt động trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, một số ngành sản xuất chế tạo (như sản xuất và chế biến thực phẩm, đồ da và sản phẩm liên quan, sản phẩm ống hút và sản phẩm gỗ) và một số ngành dịch vụ (ví dụ các dịch vụ du lịch, dịch vụ y tế và xã hội, dịch vụ lao động việc làm, và các dịch vụ sáng tạo và dịch vụ công). Doanh nghiệp cũng được coi là đủ điều kiện nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tính theo số lao động và doanh thu. Điều kiện được vay vốn không lãi suất để chi trả lương được quy định tại Nghị quyết 42/NĐ-CP. Doanh nghiệp phải trả ít nhất là 50% tiền lương cho công nhân ngừng việc trong giai đoạn tháng 4 - tháng 6/2020. Theo dõi chính sách của OECD, tính đến 20/6/2020, chỉ có hai hồ sơ đăng ký hỗ trợ, cả hai đều bị từ chối vì không đáp ứng các điều kiện.

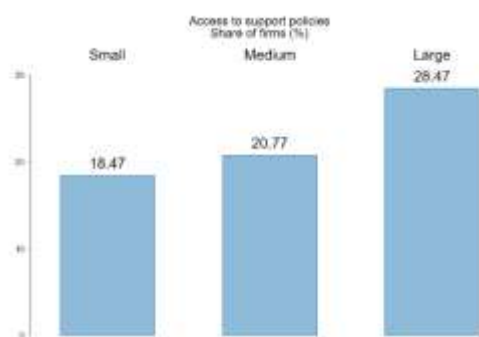


**HỖ TRỢ  
CỦA CHÍNH  
PHỦ**

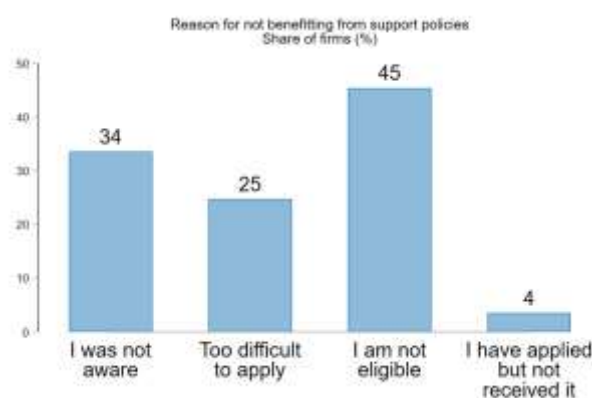
Trong số các phương thức hỗ trợ của Chính phủ, ba loại hỗ trợ doanh nghiệp cần nhất là: miễn trừ hoặc giảm nghĩa vụ thuế (73%), hoãn thuế (47%) và cho vay với lãi suất ưu đãi (40%). Doanh nghiệp ngành nông nghiệp và các dịch vụ khác có nhu cầu được miễn, giảm thuế cao hơn so với doanh nghiệp ngành sản xuất chế tạo.

Khoảng 20-30% doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn đã tiếp cận được hỗ trợ (xem Hình 7). Đối với doanh nghiệp không tiếp cận được chính sách hỗ trợ, hai nguyên nhân cản trở chính là họ không đủ điều kiện và không biết về chính sách hỗ trợ (xem Hình 8). Trên 30% doanh nghiệp, không kể đến quy mô, không biết về các chính sách hỗ trợ của Chính phủ.

**Hình 7: Doanh nghiệp lớn có khả năng tiếp cận tốt nhất với các hỗ trợ**



**Hình 8: Nhiều doanh nghiệp không đủ điều kiện hoặc không biết về hỗ trợ của Chính phủ**



Trong dài hạn, cần tập trung nỗ lực để giúp doanh nghiệp thích ứng và phục hồi với “trạng thái bình thường mới” thông qua (i) ứng dụng công nghệ và mô hình kinh doanh mới và (ii) tăng hiệu quả của các hỗ trợ của Chính phủ. Việt Nam đã triển khai một trong những chính sách di chuyển xã hội chặt chẽ nhất trên thế giới (Hình A2 của Phụ lục), từ đó kiểm soát được sự lây lan của virus và cho phép mở cửa lại nền kinh tế một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, việc phong tỏa cũng đã tạm thời làm tăng chi phí hoạt động kinh doanh, và việc này kéo dài đến hai tháng sau khi mở cửa lại. Các doanh nghiệp không thực hiện sa thải lao động mà giảm giờ làm và/hoặc cắt giảm lương, và đã áp dụng các nền tảng số để ứng phó với những cú sốc kinh tế tiêu cực. Tuy vậy, những điều chỉnh trong ngắn hạn này có thể chưa đầy đủ bởi đại dịch vẫn tiếp tục giáng đòn nặng nề lên kinh tế toàn cầu. Cần có thêm các hỗ trợ như dịch vụ phát triển kinh doanh, đào tạo người lao động và nhà quản lý, và các chương trình viện trợ để hỗ trợ nâng cấp công nghệ và tìm kiếm phương thức mới để thu hút khách hàng, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa - vốn ít có khả năng điều chỉnh để thích ứng với thay đổi. Cùng với đó, trong khi Chính phủ áp dụng các giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp (chẳng hạn như miễn thuế - chính sách ưu đãi mà doanh nghiệp thấy hữu ích nhất), chỉ một phần nhỏ các doanh nghiệp tiếp cận được với những hỗ trợ này do không đủ điều kiện, và quan trọng hơn là do thiếu thông tin. Những hỗ trợ trong tương lai của Chính phủ cần dựa trên thực tế rằng bản chất của “trạng thái bình thường mới” này là tính bất định cao, khiến doanh nghiệp ít có nhu cầu vay vốn và ngân hàng ngại cho vay. Các chương trình hỗ trợ (ví dụ như cấp hạn mức tín dụng mới) cần cân nhắc có cơ chế tăng cường tín dụng như chia sẻ rủi ro và bảo lãnh để hấp thụ một phần rủi ro đang tăng này, từ đó cung cấp cho doanh nghiệp nguồn vốn cần thiết để thực hiện nâng cấp công nghệ và phát triển sản phẩm mới. Sự tái diễn các ca nhiễm COVID-19 trong tháng 7 và khả năng tái áp dụng các hạn chế đi lại/di chuyển xã hội có thể làm trầm trọng thêm sự hạn chế về thanh khoản, làm tăng tính bất định và củng cố nhu cầu cần có sự hỗ trợ hiệu quả hơn đối với doanh nghiệp để có thể trụ vững trước những cú sốc kinh tế sắp đến.

## Hộp 1: Phương pháp luận của Khảo sát nhanh về doanh nghiệp

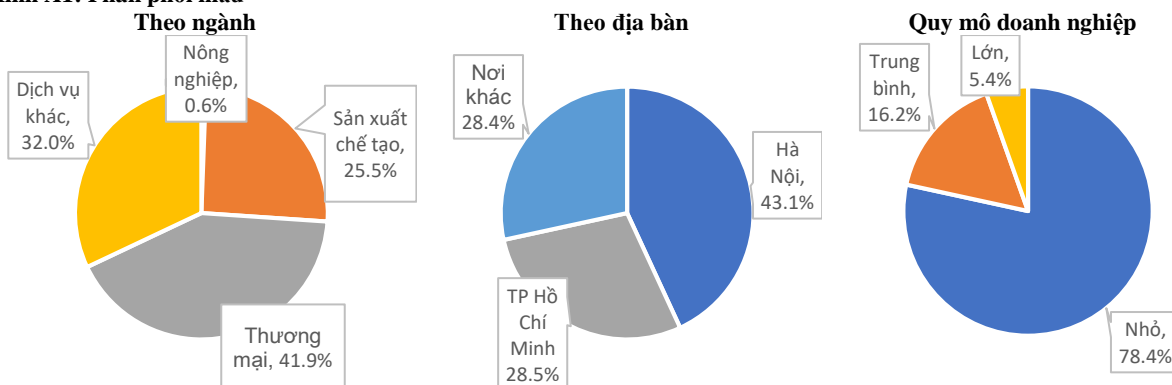
Những kết quả trình bày trong tài liệu này là từ Khảo sát nhanh về doanh nghiệp do Tổng cục Thống kê và Ngân hàng thế giới (NHTG) phối hợp thực hiện. Khảo sát nhanh về doanh nghiệp là một sáng kiến toàn cầu của NHTG và các đối tác để khảo sát tác động của COVID-19 đối với khu vực tư nhân, và được tiến hành hoặc lên kế hoạch tiến hành tại hơn 40 quốc gia. Trong vòng đầu khảo sát tại Việt Nam, 499 doanh nghiệp đã được phỏng vấn qua điện thoại trong tháng 6/2020 trên 15 tỉnh thành, và đại diện cho cả ba loại hình quy mô doanh nghiệp cũng như bốn ngành chính (nông nghiệp, sản xuất chế tạo, bán buôn - bán lẻ và các dịch vụ khác).

## Lời cảm ơn

Tài liệu tóm tắt và các hình chiếu kèm theo do nhóm tác giả Shawn Tan (Chuyên gia kinh tế cao cấp, EAAF1) và Trang Trần (Chuyên gia kinh tế cao cấp, ETIFE) soạn thảo. Khảo sát doanh nghiệp nhanh do Xavier Cirera (Chuyên gia kinh tế cao cấp, ETIFE) và Trang Trần. Các chuyên gia Tanay Balantrapu, Sarah Hebous và Kyungmin Lee (Consultants, ETIFE) đã hỗ trợ quá trình thực hiện khảo sát và xử lý dữ liệu. Chúng tôi soạn thảo tài liệu và hình chiếu dưới sự hướng dẫn của Irina Astrakhan (Giám đốc, EAAF1) và Denis Medvedev (Giám đốc khối phụ trách khu vực, ETIFE), với các thông tin đầu vào do Asya Akhlaque (Chuyên gia kinh tế trưởng, EAAF2), Xavier Cirera và Brian Mtonya (Chuyên gia kinh tế cao cấp, EAAF1) cung cấp.

## Phụ lục

**Hình A1: Phân phối mẫu**



Ghi chú: Quy mô doanh nghiệp được phân loại theo số lao động, cụ thể như sau: doanh nghiệp nhỏ (5-19 lao động), doanh nghiệp vừa (20-99 lao động) và doanh nghiệp lớn (>100). Ngành thương mại bao gồm thương mại bán buôn và bán lẻ; và ngành dịch vụ khác bao gồm tất cả các dịch vụ trừ thương mại bán buôn và bán lẻ.

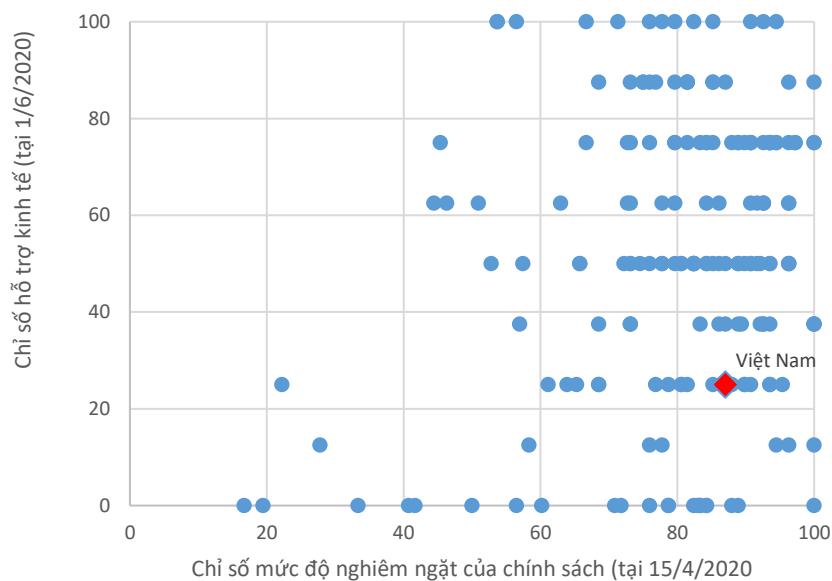
**Bảng A1: Các kênh ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp so với năm ngoái (theo tỷ lệ % số doanh nghiệp) - số liệu phân tách**

	Giảm giờ làm	Giảm nhu cầu	Giảm đầu vào sẵn có	Giảm dòng tiền sẵn có	Giảm tiếp cận vốn
DN nhỏ	32%	66%	50%	65%	20%
DN vừa	39%	67%	51%	72%	19%
DN lớn	42%	64%	53%	61%	23%
Tại Hà Nội	36%	65%	60%	65%	24%
Tại TP Hồ Chí Minh	29%	58%	42%	63%	15%
Các tỉnh khác	34%	75%	47%	71%	20%
Nông nghiệp	37%	42%	42%	75%	34%
Sản xuất chế tạo	37%	72%	52%	69%	11%
Thương mại	26%	57%	53%	58%	22%
Dịch vụ khác	41%	73%	47%	74%	23%
<b>Tổng số doanh nghiệp</b>	<b>34%</b>	<b>66%</b>	<b>51%</b>	<b>66%</b>	<b>20%</b>

**Bảng A2: Điều chỉnh thông qua áp dụng nền tảng số, giải pháp số và tái đóng gói (theo tỷ lệ % số doanh nghiệp) – số liệu phân tách**

	Nền tảng số	Đầu tư vào giải pháp số	Tái đóng gói danh mục sản phẩm/ dịch vụ
DN nhỏ	47%	2%	6%
DN vừa	43%	10%	11%
DN lớn	56%	22%	7%
Tại Hà Nội	52%	4%	10%
Tại TP Hồ Chí Minh	45%	6%	6%
Các tỉnh khác	43%	4%	4%
Nông nghiệp	21%	4%	5%
Sản xuất chế tạo	40%	6%	8%
Thương mại	47%	3%	5%
Dịch vụ khác	54%	7%	9%
<b>Tổng số doanh nghiệp</b>	<b>47%</b>	<b>5%</b>	<b>7%</b>

**Hình A2: Việt Nam đã triển khai một trong những chính sách nghiêm ngặt nhất để kiểm soát COVID-19**



Nguồn: Theo dõi ứng phó của Chính phủ đối với COVID-19 của Oxford (OxCGRT)